

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 48
8. Phụ lục	49 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 02 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (028) 3823 6236
- Fax : +84 (028) 3823 5236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ (đến ngày 31 tháng 5 năm 2023), cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Bolat Duisenov	Thành viên (đã miễn nhiệm từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Ông David Do	Thành viên (đã miễn nhiệm từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên (đã miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)
Ông Shinya Hosoi	Thành viên (được bầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)
Ông Lâm Đình Dự	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên (đã miễn nhiệm từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên (đã miễn nhiệm từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)



Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

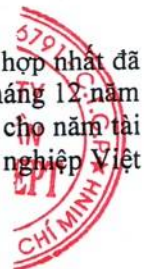
Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



Số: 1.0902/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Hoàng Thái Vượng
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Lê Thị Thu Cúc
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5450-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.380.201.263.412	2.618.727.023.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.471.676.297.950	1.364.349.572.162
1. Tiền	111		762.008.256.853	733.408.572.162
2. Các khoản tương đương tiền	112		709.668.041.097	630.941.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		358.867.040.371	82.230.394.409
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	45.723.235.680	45.723.235.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(32.575.500.775)	(27.787.639.695)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	345.719.305.466	64.294.798.424
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.193.181.492.780	867.649.206.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	584.659.664.426	541.809.634.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	91.860.358.118	137.910.734.284
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	298.007.987.801	24.623.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	253.518.004.021	174.477.642.655
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.864.521.586)	(11.172.305.211)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		68.169.766.561	82.532.452.635
1. Hàng tồn kho	141	V.8	68.169.766.561	82.532.452.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		288.306.665.750	221.965.397.760
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.949.598.183	12.708.057.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		268.633.238.575	186.384.655.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	11.723.828.992	22.872.685.256
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.165.823.905.016	10.411.925.986.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.754.955.799	44.605.881.337
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	8.100.000.000	8.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	31.654.955.799	36.505.881.337
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.166.026.323.789	3.262.248.898.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.891.229.902.798	2.956.017.737.527
- Nguyên giá	222		6.234.828.104.966	5.691.418.188.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.343.598.202.168)	(2.735.400.450.683)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	16.406.414.089	44.630.763.406
- Nguyên giá	225		235.413.682.251	235.413.682.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(219.007.268.162)	(190.782.918.845)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	258.390.006.902	261.600.397.517
- Nguyên giá	228		382.206.554.971	377.419.689.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(123.816.548.069)	(115.819.291.814)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.759.344.470.822	2.790.192.939.751
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.759.344.470.822	2.790.192.939.751
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.124.650.970.762	3.065.414.642.104
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	3.085.037.407.601	3.025.947.265.961
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	41.914.287.262	41.021.599.762
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(2.300.724.101)	(1.554.223.619)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.076.047.183.844	1.249.463.624.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	732.373.580.412	911.842.875.259
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	184.952.918.307	151.296.466.870
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	158.720.685.125	186.324.282.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.546.025.168.428	13.030.653.009.572

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.813.651.116.409	5.082.896.989.616
I. Nợ ngắn hạn	310		1.915.337.161.256	3.210.578.779.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	517.923.905.276	838.451.012.006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.633.365.459	850.107.706
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	73.690.792.494	90.367.384.854
4. Phải trả người lao động	314	V.18	139.907.411.400	103.770.676.029
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	318.155.045.124	194.384.229.842
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	8.477.602.875	1.039.094.764
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	306.758.506.379	1.271.033.316.489
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	445.359.774.088	543.415.455.601
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	52.001.501.539	103.805.971.767
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	49.429.256.622	63.461.530.454
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.898.313.955.153	1.872.318.210.104
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	275.267.069.902	290.603.346.491
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	104.658.652.936	95.551.626.200
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	1.518.388.232.315	1.486.163.237.413
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815
GTY
HUU
ATU
C
PHO
791-C
Y
IN
EPT
CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.732.374.052.019	7.947.756.019.956
I. Vốn chủ sở hữu	410		9.732.374.052.019	7.947.756.019.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	3.058.985.570.000	3.013.779.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.058.985.570.000	3.013.779.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.26	128.097.775.902	128.097.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.26	358.279.382.052	324.141.784.661
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	61.305.100.650	152.636.937.352
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.26	68.471.352.005	138.177.637.831
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	2.963.514.009.028	1.227.386.551.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		712.936.669.108	1.227.386.551.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.250.577.339.920	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	1.151.888.665.342	1.021.703.565.834
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.546.025.168.428	13.030.653.009.572


Vũ Thị Anh Thư
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024


Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.845.826.296.568	3.898.243.608.570
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.845.826.296.568	3.898.243.608.570
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.067.811.109.265	2.180.183.031.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.778.015.187.303	1.718.060.577.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.940.961.393.455	23.947.233.662
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	154.695.013.336	165.690.839.670
Trong đó: chi phí lãi vay	23		134.993.138.662	130.756.997.659
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	274.234.816.173	399.148.325.174
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	109.543.154.417	142.172.449.496
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	551.943.343.263	524.441.250.459
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.177.029.885.915	1.308.851.596.298
12. Thu nhập khác	31	VI.7	54.937.761.605	30.265.470.135
13. Chi phí khác	32	VI.8	84.480.434.577	30.639.116.628
14. Lợi nhuận khác	40		(29.542.672.972)	(373.646.493)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.147.487.212.943	1.308.477.949.805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	651.638.842.548	165.958.294.398
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(38.085.876.028)	(18.774.141.617)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.533.934.246.423	1.161.293.797.024
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.250.577.339.920	993.915.564.733
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		283.356.906.503	167.378.232.291
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	7.207	3.034
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	7.207	3.034

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.147.487.212.943	1.308.477.949.805
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10; V.11;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.12; V.15	396.417.877.879	393.185.025.852
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.7; V.23	(22.060.823.541)	(26.270.725.784)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4 V.2c; VI.3;	(2.630.513.181)	6.996.393.760
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(2.213.005.870.827)	(412.441.183.177)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	134.993.138.662	130.756.997.659
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.441.201.021.935	1.400.704.458.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		383.528.564.483	(185.782.265.127)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.702.300.246	(13.752.541.231)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.073.170.928.312)	1.392.985.360.410
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		23.813.122.803	9.899.646.117
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19; V.21a; VI.4	(139.730.551.008)	(125.924.664.584)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(624.980.841.588)	(147.473.893.753)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(38.233.006.803)	(31.416.271.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.870.318.244)	2.299.239.828.019
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.12; V.13; VII	(1.177.219.493.538)	(1.365.689.144.155)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VI.7; VII	23.823.240.588	4.403.181.140
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b; V.5	(993.619.305.466)	(85.823.187.945)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b; V.5	436.631.672.188	38.518.747.583
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2d	(892.687.500)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.424.939.863.568	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2c; VI.3; VII	201.732.982.296	173.845.190.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		915.396.272.136	(1.234.745.213.092)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.26	45.206.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		740.269.471.681	1.562.505.756.443
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(777.590.552.494)	(1.430.503.626.695)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(35.442.526.029)	(41.436.780.114)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21, V.26	(780.370.623.043)	(428.119.286.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(807.928.229.885)	(337.553.936.966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		104.597.724.007	726.940.677.961
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	V.1	1.364.349.572.162	637.348.731.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.729.001.781	60.162.392
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.471.676.297.950	1.364.349.572.162

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ (đến ngày 31 tháng 5 năm 2023), cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn vào Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL, đồng thời Công ty mẹ tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động Chi nhánh Gemadept Đà Nẵng để cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ 3.013.779.570 VND lên 3.058.985.570.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty mẹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 051/NQ-HĐQT-2023 ngày 18 tháng 4 năm 2023 và đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Lợi nhuận năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do khoản lãi từ việc chuyển nhượng vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 21 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 16 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm, Tập đoàn có 22 công ty con và 16 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept –Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	429/4 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	98,04%	98,04%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng	TĐ số 1738, TĐ số 9 (8BT-B), Tổ 5,	80,09%	80,09%	80,09%	80,09%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Bình Dương	Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương	TĐ số 1738, TĐĐ số 9 (8BT-B), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	48,05%	48,05%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept	4 Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	59,99%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL	4 Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	30,60%	30,59%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	-	84,66%	-	84,66%

- (i) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (ii) Ngày 31 tháng 5 năm 2023 Công ty mẹ đã hoàn tất chuyển nhượng vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ.

6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4 Lê Thánh Tôn, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	36,42%	36,60%	36,42%	36,60%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Ấp Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept –Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.498 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.549 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 02%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 02% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến các dự án chưa hoàn thành.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí nhượng quyền sử dụng đất, chi phí lãi thuê tài chính container và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến chi phí nạo vét, sửa chữa mặt bãi và dự phòng bảo hành công trình.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

- 23. Bên liên quan**
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- 24. Báo cáo theo bộ phận**
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
- Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

- 1. Tiền và các khoản tương đương tiền**
- | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 22.054.492.056 | 21.209.491.020 |
| Tiền gửi ngân hàng | 739.365.321.791 | 712.036.608.148 |
| Tiền đang chuyển | 588.443.006 | 162.472.994 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) | 709.668.041.097 | 630.941.000.000 |
| Cộng | 1.471.676.297.950 | 1.364.349.572.162 |
- 2. Các khoản đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

- 2a. Chứng khoán kinh doanh**
- | | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức | 31.488.264.362 | 13.147.432.455 | (18.340.831.907) | 31.488.264.362 | 17.935.341.285 | (13.552.923.077) |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan | 14.234.321.100 | - | (14.234.321.100) | 14.234.321.100 | - | (14.234.321.100) |
| Các cổ phiếu khác | 650.218 | 371.448 | (347.768) | 650.218 | 254.700 | (395.518) |
| Cộng | 45.723.235.680 | 13.147.803.903 | (32.575.500.775) | 45.723.235.680 | 17.935.595.985 | (27.787.639.695) |

Table with 3 columns: Description, Năm nay (2023), and Năm trước (2022). Rows include: Số đầu năm, Trích lập dự phòng bổ sung, and Số cuối năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Table with 7 columns: Company Name, Giá gốc, Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư, Cộng, Giá gốc, Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư, Cộng. Rows list various companies like Cảng Cái Mép, Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, CJ Gemadept Logistics Holdings, etc.

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Golden Globe vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản.
Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, bảo lãnh
Tập đoàn đã thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư Dự án Cảng Cái Mép – Gemadept Terminal Link giai đoạn 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(2.279.724.101)	5.000.000.000	(1.533.223.619)
Công ty TNHH JinJiang Shipping (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	892.687.500	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	599.762	-	599.762	-
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	21.000.000	(21.000.000)	21.000.000	(21.000.000)
Cộng	41.914.287.262	(2.300.724.101)	41.021.599.762	(1.554.223.619)

(i) Trong năm Tập đoàn đã góp vốn 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH JinJiang Shipping (Việt Nam).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.554.223.619)	(2.696.577.586)
Trích lập dự phòng bổ sung	(746.500.482)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	1.142.353.967
Số cuối năm	(2.300.724.101)	(1.554.223.619)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	172.836.410.674	140.851.094.318
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	91.069.414.381	89.875.903.990
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	63.266.504.905	30.506.224.826
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	16.414.649.560	15.174.592.970
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.062.748.702	924.428.712
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	1.023.093.126	4.369.943.820
Phải thu các khách hàng khác	411.823.253.752	400.958.540.251
Cộng	584.659.664.426	541.809.634.569

Một số khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	22.192.800.000	47.174.181.296
Konecranes GMBH	11.087.840.000	-
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	-	36.954.856.848
Các nhà cung cấp khác	58.579.718.118	53.781.696.140
Cộng	91.860.358.118	137.910.734.284

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	20.623.500.000	2.623.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.623.500.000	2.623.500.000
Cho các tổ chức khác vay	277.384.487.801	22.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	109.084.487.801	-
Cho các tổ chức khác vay	28.300.000.000	22.000.000.000
Cộng	298.007.987.801	24.623.500.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho tổ chức khác vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	105.069.689.421	28.268.637.101
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn – Cổ tức được chia	73.988.398.000	-
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	27.118.465.500	26.386.143.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay, chi hộ	3.245.793.889	1.489.397.992
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Nhờ thu hộ, chi hộ	682.511.484	25.671.781
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi hộ, lãi cho vay	34.520.548	67.424.328
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Chi hộ	-	300.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	148.448.314.600	146.209.005.554
Tạm ứng	91.289.142.360	84.650.771.453
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	9.594.192.638	3.301.992.579
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản chi hộ	11.075.418.250	19.389.584.085
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.489.561.352	34.866.657.437
Cộng	253.518.004.021	174.477.642.655

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	13.654.955.799	18.505.881.337
Cộng	31.654.955.799	36.505.881.337

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bên liên quan		5.869.293.889	(5.869.293.889)		4.112.897.992	(4.112.897.992)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi cho vay		5.869.293.889	(5.869.293.889)		4.112.897.992	(4.112.897.992)
Các tổ chức và cá nhân khác		29.320.371.635	(28.995.227.697)		8.492.309.239	(7.059.407.219)
Công ty TNHH Sông Hằng	Trên 03 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	Trên 03 năm	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 03 năm	22.320.371.635	(21.995.227.697)	Từ 01 năm đến trên 03 năm	5.492.309.239	(4.059.407.219)
Cộng		35.189.665.524	(34.864.521.586)		12.605.207.231	(11.172.305.211)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.172.305.211)	(10.396.714.993)
Trích lập dự phòng bổ sung	(24.209.285.125)	(775.590.218)
Xóa nợ	517.068.750	-
Số cuối năm	(34.864.521.586)	(11.172.305.211)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.300.319.239	-	35.551.314.690	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	12.980.006.143	-	18.098.062.496	-
Phụ tùng thay thế	18.137.913.390	-	17.548.420.472	-
Công cụ dụng cụ	339.796.190	-	330.620.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.640.549.338	-	9.144.610.469	-
Hàng hóa, thành phẩm	3.771.182.261	-	1.859.424.368	-
Cộng	68.169.766.561	-	82.532.452.635	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	884.183.940	634.795.692
Chi phí sửa chữa	3.472.177.644	1.816.768.724
Tiền thuê đất	-	4.265.661.370
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.593.236.599	5.990.831.215
Cộng	7.949.598.183	12.708.057.001

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	686.651.950.762	706.302.707.890
Chi phí sửa chữa	12.671.290.161	17.709.823.848
Chi phí lãi thuê tài chính container	3.853.156.707	10.338.839.229
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱⁱ⁾	-	123.822.507.088
Chi phí đầu tư đường gom	-	9.221.810.334
Các chi phí trả trước dài hạn khác	29.197.182.782	44.447.186.870
Cộng	732.373.580.412	911.842.875.259

- (i) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KHDN Lớn Hội sở (xem thuyết minh số V.22b).
- (ii) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Trong năm, Công ty mẹ đã hoàn tất chuyển nhượng vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.156.309.091.971	1.941.262.090.505	1.545.195.397.829	48.651.607.905	5.691.418.188.210
Mua trong năm	3.545.257.584	38.267.465.001	49.711.434.838	1.217.322.800	92.741.480.223
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	679.704.804.630	752.768.279.336	401.477.204.466	16.949.526.045	1.850.899.814.477
Thanh lý	-	(1.634.453.347)	(76.804.964.117)	-	(78.439.417.464)
Giảm do thoái vốn	(602.940.896.267)	(638.082.963.864)	(78.379.751.934)	(9.526.815.801)	(1.328.930.427.866)
Chênh lệch tỷ giá	6.224.438.200	46.649.850	827.876.886	39.502.450	7.138.467.386
Số cuối năm	2.242.842.696.118	2.092.627.067.481	1.842.027.197.968	57.331.143.399	6.234.828.104.966
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	141.655.982.226	178.426.721.131	320.753.048.736	23.574.209.753	664.409.961.846
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.055.518.285.171	762.333.659.355	888.965.295.325	28.583.210.832	2.735.400.450.683
Khấu hao trong năm	123.162.060.626	129.627.001.368	94.035.695.554	5.948.174.927	352.772.932.475
Thanh lý	-	(1.634.453.347)	(74.550.232.998)	-	(76.184.686.345)
Giảm do thoái vốn	(278.730.507.593)	(322.669.641.374)	(68.411.363.987)	(4.878.995.741)	(674.690.508.695)
Chênh lệch tỷ giá	5.746.976.050	29.700.650	483.834.900	39.502.450	6.300.014.050
Số cuối năm	905.696.814.254	567.686.266.652	840.523.228.794	29.691.892.468	2.343.598.202.168
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.100.790.806.800	1.178.928.431.150	656.230.102.504	20.068.397.073	2.956.017.737.527
Số cuối năm	1.337.145.881.864	1.524.940.800.829	1.001.503.969.174	27.639.250.931	3.891.229.902.798
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tổng chi phí khấu hao máy móc, thiết bị liên quan đến giai đoạn chạy thử là 24.471.975.146 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.527.039.056.770 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	235.413.682.251
Số cuối năm	235.413.682.251
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	190.782.918.845
Khấu hao trong năm	28.224.349.317
Số cuối năm	219.007.268.162
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	44.630.763.406
Số cuối năm	16.406.414.089

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế trang Web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	311.116.943.450	66.272.745.881	30.000.000	377.419.689.331
Mua trong năm	-	2.936.350.000	-	2.936.350.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.002.816.500	-	6.002.816.500
Giảm do thoái vốn	-	(12.131.181.510)	-	(12.131.181.510)
Chênh lệch tỷ giá	7.975.000.800	3.879.850	-	7.978.880.650
Số cuối năm	319.091.944.250	63.084.610.721	30.000.000	382.206.554.971
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	30.360.828.007	30.000.000	30.390.828.007
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	71.629.826.245	44.159.465.569	30.000.000	115.819.291.814
Khấu hao trong năm	6.319.865.068	5.969.108.752	-	12.288.973.820
Giảm do thoái vốn	-	(6.153.300.125)	-	(6.153.300.125)
Chênh lệch tỷ giá	1.857.702.710	3.879.850	-	1.861.582.560
Số cuối năm	79.807.394.023	43.979.154.046	30.000.000	123.816.548.069
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	239.487.117.205	22.113.280.312	-	261.600.397.517
Số cuối năm	239.284.550.227	19.105.456.675	-	258.390.006.902
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	151.296.466.870	132.522.325.253
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	38.825.518.426	19.865.584.472
Giảm do thoái vốn	(4.559.106.224)	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(609.960.765)	(1.091.442.855)
Số cuối năm	184.952.918.307	151.296.466.870

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	558.517.383.584	372.193.101.046	186.324.282.538
Phân bổ trong năm		27.603.597.413	
Giảm do thoái vốn	(786.705.070)	(786.705.070)	-
Số cuối năm	557.730.678.514	399.009.993.389	158.720.685.125

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.682.482.271	28.528.097.199
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	4.907.907.215	27.527.293.270
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	830.427.039	445.771.039
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	761.209.817	49.191.156
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	182.938.200	31.916.400
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	473.925.334
Phải trả các nhà cung cấp khác	511.241.423.005	809.922.914.807
Shanghai Jinjiang Shipping Co., Ltd	82.064.138.395	60.291.958.581
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	61.934.332.290	64.151.468.100
Rich Mountain Trading Co., Ltd	39.991.023.780	38.891.557.800
Mitsui E&S Machinery Co., Ltd	12.889.170.000	224.931.735.000
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	-	90.259.438.238
Các nhà cung cấp khác	314.362.758.540	331.396.757.088
Cộng	517.923.905.276	838.451.012.006

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Điều chỉnh tăng/giảm khác	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.128.871.763	861.328.789	124.517.115.408	(129.309.721.473)	268.408.378	10.258.335.553	514.990.266
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	19.734.052.800	-	17.982.591.872	(37.716.644.672)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	566.991.321	(566.991.321)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.080.118.176	20.833.185.916	651.638.842.548	(624.980.841.588)	(667.527.187)	54.958.774.557	9.721.368.524
Thuế thu nhập cá nhân	4.312.079.495	161.611.014	52.854.132.936	(51.225.320.553)	(174.361.532)	5.663.295.876	58.376.544
Các loại thuế khác	11.112.262.620	1.016.559.537	26.338.700.823	(35.265.950.260)	212.839.204	2.810.386.508	1.429.093.658
Cộng	90.367.384.854	22.872.685.256	873.898.374.908	(879.065.469.867)	(360.641.137)	73.690.792.494	11.723.828.992

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% và 10%.

Riêng từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Riêng các công ty ở nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định cụ thể của từng nước.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cho dự án trồng cao su	237.080.425.640	98.244.510.600
Chi phí thi công công trình	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí lãi vay	8.656.176.657	11.618.246.573
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	9.851.664.242	3.019.123.499
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	42.566.778.585	61.502.349.170
Cộng	318.155.045.124	194.384.229.842

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Doanh thu chưa thực hiện

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền nhận trả trước về cho thuê tài sản cố định.

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	195.817.565.684	202.195.118.323
Lãi hoãn lại do cung cấp dịch vụ cho cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	79.449.504.218	87.359.885.988
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	-	1.048.342.180
Cộng	275.267.069.902	290.603.346.491

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	79.541.731	2.370.914.068
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Nhờ chi hộ	7.237.231	7.237.231
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn – Chi phí lãi vay	-	1.775.342.430
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ, phải trả khác	-	516.029.907
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	306.678.964.648	1.268.662.402.421
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	94.050.783.207	48.528.885.094
Cổ tức phải trả	219.276.850	20.985.545.150
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng công ty con (*)	20.000.000.000	1.000.000.000.000
Chi phí thuê đất (**)	11.725.674.240	18.785.544.300
Nhận đặt cọc ngắn hạn khác	5.590.204.518	5.949.464.072
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	3.023.408.400	4.022.898.086
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	172.069.617.433	170.390.065.719
Cộng	306.758.506.379	1.271.033.316.489

(*) Khoản nhận đặt cọc để đảm bảo cho việc các bên mua sẽ ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	102.658.652.936	93.551.626.200
Chi phí thuê đất (**)	102.322.976.990	93.551.626.200
Các khoản phải trả dài hạn khác	335.675.946	-
Cộng	104.658.652.936	95.551.626.200

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.358.586.830	177.453.697.152
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱ⁾	49.271.128.028	250.000.000
Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	7.790.369.734	-
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.055.384.068	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(iv)	2.241.705.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	99.059.709.608
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	75.575.015.799
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	2.568.971.745
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức khác	382.001.187.258	365.961.758.449
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	357.760.173.770	330.004.811.674
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	24.241.013.488	35.956.946.775
Cộng	445.359.774.088	543.415.455.601

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển (xem thuyết minh số V.3).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay không tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay không quá 120 ngày.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.518.367.922.844	1.462.501.308.856
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	963.734.475.086	729.078.836.346
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KHDN Lớn Hội sở ⁽ⁱⁱ⁾	315.694.107.349	444.983.713.827
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	182.344.070.629	121.677.994.656
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Thẳng Tư ^(iv)	56.595.269.780	82.072.333.333
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	80.008.430.694
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	-	3.020.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.660.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	20.309.471	23.661.928.557
Thuê tài chính Global Container International LLC	20.309.471	23.661.157.122
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	-	771.435
Cộng	1.518.388.232.315	1.486.163.237.413

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn đầu tư cho việc phát triển dự án Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản cố định của Cảng Nam Đình Vũ và toàn bộ tài sản cố định hình thành từ xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị, tài sản cố định mua mới đầu tư giai đoạn 2 dự án Cảng Nam Đình Vũ (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KHDN Lớn Hội sở để đầu tư dự án Cảng Nam Đình Vũ. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền khai thác dự án, hạ tầng trên đất, công trình xây dựng, máy móc thiết bị,... và các tài sản gắn liền với đất đang tồn tại (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để tái tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày tái tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án cảng nổi với thời hạn vay không quá 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Thẳng Tư để đầu tư đóng các tàu Phước Long và mua 04 sà lan tải trọng 248 Teus với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trong tương lai hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	357.760.173.770	1.095.826.365.052	422.541.557.792	1.876.128.096.614
Nợ thuê tài chính	24.241.013.488	20.309.471	-	24.261.322.959
Tiền gốc phải trả	19.601.059.670	16.431.860	-	19.617.491.530
Lãi thuê phải trả	4.639.953.818	3.877.611	-	4.643.831.429
Cộng	382.001.187.258	1.095.846.674.523	422.541.557.792	1.900.389.419.573
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	330.004.811.674	1.140.997.856.030	321.503.452.826	1.792.506.120.530
Nợ thuê tài chính	35.956.946.775	23.661.928.557	-	59.618.875.332
Tiền gốc phải trả	29.154.395.469	19.132.672.935	-	48.287.068.404
Lãi thuê phải trả	6.802.551.306	4.529.255.622	-	11.331.806.928
Cộng	365.961.758.449	1.164.659.784.587	321.503.452.826	1.852.124.995.862

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Dự phòng chi phí nạo vét, sửa chữa mặt bãi	61.998.155.189	30.349.225.000	(38.338.130.114)	(30.246.586.643)	6.586.561.568	30.349.225.000
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	33.486.561.568	8.000.000.000	-	(15.000.000.000)	(6.586.561.568)	19.900.000.000
Dự phòng tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	1.752.276.539	-	-	-	-	1.752.276.539
Dự phòng về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.568.978.471	-	-	(6.568.978.471)	-	-
Cộng	103.805.971.767	38.349.225.000	(38.338.130.114)	(51.815.565.114)	-	52.001.501.539

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tập đoàn bao gồm: Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	739.642.398	1.091.442.855
Giảm do thoái vốn	(129.681.633)	-
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(609.960.765)	(1.091.442.855)
Số cuối năm	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

26b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	305.898.557	301.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	305.898.557	301.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	305.898.557	301.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	305.898.557	301.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 066/NQ-ĐHĐCĐ-GMD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 09 tháng 6 năm 2023, Công ty mẹ đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) : 49.695.778.237 VND
- Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị (3%) : 29.817.466.942 VND
- Chia cổ tức (20%) : 611.797.114.000 VND

26d. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán	213.448.362.110	213.448.362.110
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các công ty con lập bằng USD sang VND	144.831.019.942	110.693.422.551
Cộng	358.279.382.052	324.141.784.661

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	10.095.972.315	19.631.319.915
Trên 01 năm đến 05 năm	1.905.298.858	11.360.396.458
Trên 05 năm	10.479.143.719	10.955.468.434
Cộng	22.480.414.892	41.947.184.807

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Tổng số tiền thuê đất tại Phường Bình Thẳng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	3.596.136,43	1.574.819,58
Euro (EUR)	713,25	708,16

27c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	3.519.758.973	3.519.758.973	Không có khả năng thu hồi
Cộng	4.797.274.888	4.797.274.888	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	2.908.540.764.384	3.086.178.235.939
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	935.815.646.660	810.822.007.542
Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác	1.469.885.524	1.243.365.089
Cộng	3.845.826.296.568	3.898.243.608.570

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b. Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	1.638.428.931.224	1.793.119.267.064
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	429.382.178.041	387.063.764.419
Cộng	2.067.811.109.265	2.180.183.031.483

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	64.341.785.219	8.035.196.238
Lãi tiền cho vay	12.326.967.136	2.814.480.625
Lãi chuyển nhượng vốn khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.840.573.792.830	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.071.970.787	12.944.420.155
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.630.513.181	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.364.302	153.136.644
Cộng	1.940.961.393.455	23.947.233.662

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	134.993.138.662	130.756.997.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.196.834.561	16.581.843.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.996.393.760
Dự phòng đầu tư tài chính	5.534.361.562	10.763.535.076
Chi phí tài chính khác	970.678.551	592.070.151
Cộng	154.695.013.336	165.690.839.670

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.123.893.945	5.667.440.211
Chi phí hoa hồng môi giới	99.335.606.105	114.231.379.032
Các chi phí khác	4.083.654.367	22.273.630.253
Cộng	109.543.154.417	142.172.449.496

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	182.760.542.728	206.699.504.584
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	7.003.256.513	8.076.416.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.746.651.892	22.148.626.605
Dự phòng phải thu khó đòi	24.209.285.125	775.590.218
Phân bổ lợi thế thương mại	27.603.597.413	27.603.597.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.388.569.855	70.444.194.722
Các chi phí khác	216.231.439.737	188.693.320.710
Cộng	551.943.343.263	524.441.250.459

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	21.528.509.469	2.443.181.140
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	24.057.434.409	23.581.444.051
Hoàn nhập dự phòng phải trả	6.568.978.471	-
Thu nhập khác	2.782.839.256	4.240.844.944
Cộng	54.937.761.605	30.265.470.135

(*) Khoản phân bổ doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link phát sinh từ năm 2008 với số tiền 283.980.000.000 VND, thời gian phân bổ 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 với số tiền 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ 10 năm.
- Phân bổ khoản lợi nhuận chưa ghi nhận liên quan đến doanh thu dịch vụ tư vấn và thi công công trình cho Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tương ứng với phần đã khấu hao và phân bổ trong năm của các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế phải nộp bổ sung	79.276.075.403	23.335.681.522
Chi phí khác	5.204.359.174	7.303.435.106
Cộng	84.480.434.577	30.639.116.628

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	748.789.113	1.134.697.628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.106.946.906	4.928.103.484
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(43.932.465.332)	(24.793.687.956)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(9.146.715)	(43.254.773)
Cộng	(38.085.876.028)	(18.774.141.617)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	2.250.577.339.920	993.915.564.733
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(66.267.142.908)	(79.513.245.179)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.184.310.197.012	914.402.319.554
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	303.080.406	301.377.957
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.207	3.034
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.207	3.034

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	291.525.445.177	323.311.669.432
Chi phí nhân công	509.504.335.839	568.417.961.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	396.417.877.879	393.185.025.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.314.257.137.815	1.333.810.634.392
Chi phí khác	217.592.810.235	228.071.439.788
Cộng	2.729.297.606.945	2.846.796.731.438

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm, thanh lý tài sản cố định, lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	14.918.391.650	60.435.806.809
Nợ phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	256.729.253.005	616.829.882.627
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.347.491.116	1.387.491.116
Lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia	94.998.482.687	5.630.418.128

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị			
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch	3.015.918.840	3.309.648.823
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch	3.447.900.000	3.419.813.822
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	3.175.443.150	4.714.580.200
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	2.389.642.650	2.952.740.673
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên	2.338.667.832	2.947.418.685
Ông Vũ Ninh	Thành viên	1.911.921.850	1.763.661.423
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2022)	360.000.000	80.000.000
Ông Shinya Hosoi	Thành viên (được bầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)	270.000.000	-
Ông Lâm Đình Dụ	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)	200.000.000	-
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)	200.000.000	-
Ông Bolat Duisenov	Thành viên	160.000.000	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
	(đã miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)		
Ông David Do	Thành viên	160.000.000	120.000.000
	(đã miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)		
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên	90.000.000	120.000.000
	(đã miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)		
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
	(đã miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2022)		
Ban kiểm soát			
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên Ban kiểm soát	970.862.400	1.007.243.130
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	619.402.200	619.711.600
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên Ban kiểm soát		
	(đã miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)	53.333.340	60.000.000
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên Ban kiểm soát		
	(đã miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2023)	53.333.340	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	2.114.603.150	3.143.180.200
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	1.810.628.150	3.242.220.200
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	2.125.138.150	3.878.080.450

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác
Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.685.592.705	94.590.574.361
Chi phí dịch vụ	965.790.890	384.993.306
Cho vay	56.000.000.000	-
Lãi cho vay	199.931.507	88.767.123
Chi hộ	59.456.352	67.424.328
Chi phí khác	170.326.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Cổ tức được chia	203.468.094.500	152.476.092.500
Vay	-	90.000.000.000
Lãi vay	-	12.469.315.024
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu cho thuê văn phòng	394.102.727	384.349.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.994.396.851	12.926.695.702
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	10.000.003.500
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	964.200.000	1.253.460.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Lãi cho vay	209.304.987	199.026.617
Chi hộ	1.547.090.910	118.272.729
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.190.840.204	28.319.075.171
Chi phí dịch vụ	14.946.475.988	10.969.095.811
Mua tài sản cố định	-	100.000.000
Nhờ thu hộ	336.167.164.260	277.700.678.155
Chi hộ	14.760.320.522	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	65.799.667.956	60.458.414.108
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.946.206.229	17.456.985.623
Chi phí dịch vụ	138.025.808.423	23.172.069.501
Thu hộ	34.142.925.144	40.220.957.957
Chi hộ	38.294.258.973	36.822.324.168
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	317.115.023	281.256.494
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.418.149.337	12.217.923.687
Doanh thu cho thuê tài sản	13.731.120.164	14.464.563.119
Chi phí dịch vụ	2.056.034.763	518.797.183
Thu hộ	4.729.814.862	12.959.348.196
Chi hộ	554.794.472	520.946.182

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.6a, V.16, và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận
Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh
Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý,...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng và đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý
Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	3.546.683.932.053	3.445.221.920.284
Nước ngoài	299.142.364.515	453.021.688.286
Cộng	3.845.826.296.568	3.898.243.608.570

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	912.004.218.465	1.523.104.054.074	11.632.643.571.446	11.311.216.268.337
Nước ngoài	8.615.106.340	6.171.182.060	1.691.933.535.908	1.531.035.286.350
Cộng	920.619.324.805	1.529.275.236.134	13.324.577.107.354	12.842.251.554.687

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty mẹ đã nhận được thông báo hoàn tất thủ tục giải thể chi nhánh của Công ty mẹ tại Campuchia.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty mẹ đã ký hợp đồng để chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 147/NQ-HDQT-GMD ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Thông tin khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ trong năm đạt hơn 2.250 tỷ VND, tăng hơn 1.256 tỷ VND so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết giảm gần 125 tỷ VND;
- Trong năm Tập đoàn ghi nhận khoản lãi chuyển nhượng vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ hơn 1.840 tỷ VND;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng hơn 466 tỷ VND tương ứng với mức tăng của lợi nhuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024


Vũ Thị Anh Thu
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Có tức, lợi nhuận được chia trong năm	Tặng/(Giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	1.561.234.701.363	17.140.824.100	-	-	1.578.375.525.463	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	645.644.164.529	168.975.573.057	(203.468.094.500)	(2.094.024.096)	609.057.618.990	
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	324.988.105.467	54.837.690.095	-	496.341.407	380.322.136.969	
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	122.757.675.322	15.330.613.610	(10.000.000.000)	(110.043.770)	127.978.245.162	
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	164.054.945.500	13.906.790.515	-	1.467.062.167	179.428.798.182	
Công ty TNHH Golden Globe	98.330.253.199	(1.530.106.175)	-	-	96.800.147.024	
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	74.975.051.081	3.621.329.137	-	(364.762.711)	78.231.617.507	
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	22.603.753.072	142.528.599	-	-	22.746.281.671	
Các công ty liên doanh, liên kết khác	11.358.616.428	1.809.573.235	(964.200.000)	(106.953.030)	12.097.036.633	
Cộng	3.025.947.265.961	274.234.816.173	(214.432.294.500)	(712.380.033)	3.085.037.407.601	

76

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tăng/(Giảm) khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	186.233.613.672	276.681.307.190	(407.480.020.966)	(8.475.128.000)	46.959.771.896
Xây dựng cơ bản dở dang	2.603.959.326.079	514.749.116.808	(1.449.422.610.011)	43.098.866.050	1.712.384.698.926
• Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	-	51.165.085.825
• Dự án trồng cao su của Pacific Pride	816.443.847.140	4.252.687.100	(2.436.654.780)	21.923.448.640	840.183.328.100
• Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	439.278.377.579	2.393.706.780	(1.576.287.040)	11.772.382.700	451.868.180.019
• Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	354.017.188.401	1.968.712.460	(1.632.095.580)	9.403.034.710	363.756.839.991
• Dự án nâng cấp lòng Hà Nam	-	4.941.438.369	-	-	4.941.438.369
• Dự án Cảng Nam Đình Vũ	943.047.374.134	495.720.910.601	(1.438.298.458.113)	-	469.826.622
• Các dự án khác	7.453.000	5.471.661.498	(5.479.114.498)	-	-
Cộng	2.790.192.939.751	791.430.423.998	(1.856.902.630.977)	34.623.738.050	1.759.344.470.822

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.013.779.570.000	1.941.832.197.040	128.097.775.902	282.283.839.337	152.636.937.352	139.110.971.167	661.219.564.120	725.657.516.991	7.044.618.371.909
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	183.250.000.000	183.250.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	993.915.564.733	167.378.232.291	1.161.293.797.024
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(58.635.708.491)	(3.253.363.448)	(61.889.071.939)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(361.653.548.400)	(51.328.820.000)	(412.982.368.400)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(933.333.336)	-	-	(933.333.336)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	41.857.945.324	-	-	(7.459.320.626)	-	34.398.624.698
Số dư cuối năm trước	3.013.779.570.000	1.941.832.197.040	128.097.775.902	324.141.784.661	152.636.937.352	138.177.637.831	1.227.386.551.336	1.021.703.565.834	7.947.756.019.956
Số dư đầu năm nay	3.013.779.570.000	1.941.832.197.040	128.097.775.902	324.141.784.661	152.636.937.352	138.177.637.831	1.227.386.551.336	1.021.703.565.834	7.947.756.019.956
Tăng vốn trong năm nay	45.206.000.000	-	-	-	-	-	-	105.250.000.000	150.456.000.000
Thoái vốn tại Nam Hải Đình Vũ	-	-	-	(800.566.526)	-	837.150.399	-	(109.491.548.826)	(109.454.964.953)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	2.250.577.339.920	283.356.906.503	2.533.934.246.423
Tăng do hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	(91.331.836.702)	(70.310.102.891)	188.537.268.303	767.521.236	27.662.849.946
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(87.050.373.439)	(1.890.538.662)	(88.940.912.101)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(611.797.114.000)	(147.807.240.743)	(759.604.354.743)
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(233.333.334)	-	-	(233.333.334)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	34.938.163.917	-	-	(4.139.663.092)	-	30.798.500.825
Số dư cuối năm nay	3.058.985.570.000	1.941.832.197.040	128.097.775.902	358.279.382.052	61.305.100.650	68.471.352.005	1.963.514.009.028	1.151.888.665.342	9.732.374.052.019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024




Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Vũ Thị Anh Thư
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.908.540.764.384	935.815.646.660	1.469.885.524	-	-	3.845.826.296.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	960.728.442.960	188.570.765.902	-	-	(1.149.299.208.862)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.869.269.207.344	1.124.386.412.562	1.469.885.524	-	(1.149.299.208.862)	3.845.826.296.568
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.083.302.437.471	275.052.193.801	1.469.885.524	(122.284.832.538)	(100.611.670.230)	1.136.928.014.028
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(20.399.324.405)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.116.528.689.623
Doanh thu hoạt động tài chính						1.940.961.393.455
Chi phí tài chính						(154.695.013.336)
Thu nhập khác						54.937.761.605
Chi phí khác						(84.480.434.577)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	17.140.824.100	255.002.769.111	2.091.222.962	-	-	274.234.816.173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(651.638.842.548)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						38.085.876.028
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	565.386.075.216	346.618.143.249	-	8.615.106.340	-	920.619.324.805
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	313.884.836.990	125.137.136.474	-	18.664.687.094	-	457.686.660.558
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.086.178.235.939	810.822.007.542	1.243.365.089	-	-	3.898.243.608.570
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	771.695.246.018	669.107.582.247	1.212.090.909	-	(1.442.014.919.174)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.857.873.481.957	1.479.929.589.789	2.455.455.998	-	(1.442.014.919.174)	3.898.243.608.570
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	985.584.221.501	196.043.408.598	2.455.455.998	(62.685.387.811)	(43.609.879.883)	1.077.787.818.403 (26.340.941.271)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						1.051.446.877.132
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						23.947.233.662
Doanh thu hoạt động tài chính						(165.690.839.670)
Chi phí tài chính						30.265.470.135
Thu nhập khác						(30.639.116.628)
Chi phí khác						399.148.325.174
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						(165.958.294.398)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						18.774.141.617
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.161.293.797.024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.859.516.444	316.779.001.193	509.807.537	-	-	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.254.043.148.833	269.060.905.241	-	6.171.182.060	-	1.529.275.236.134
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	316.538.624.701	121.310.810.654	-	17.788.026.208	-	455.637.461.563
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.339.164.934.248	4.201.715.403.112	160.708.598.212	2.622.988.171.782	-	13.324.577.107.354
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						221.448.061.074
Tổng tài sản						13.546.025.168.428
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.849.099.904.692	812.137.870.827	-	1.127.609.462.674	-	3.788.847.238.193
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						24.803.878.216
Tổng nợ phải trả						3.813.651.116.409
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.940.563.551.322	3.212.416.944.172	161.653.106.031	2.527.617.953.162	-	12.842.251.554.687
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						188.401.454.885
Tổng tài sản						13.030.653.009.572
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.274.126.492.473	1.693.668.441.087	-	1.080.930.933.036	-	5.048.725.866.596
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						34.171.123.020
Tổng nợ phải trả						5.082.896.989.616

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

